TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1005/2017/HNGĐ-PT
Ngày 10-11-2017
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Hạnh

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Lê Thiên Hương

Bà Lê Phan Thị Minh Nguyệt

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Trường An - Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Lê Tấn Đông - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 10 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2017/TLPT-HNGĐ ngày 29 tháng 9 năm 2017 về việc ly hôn.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 926/2017/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2310/2017/QĐ-PT ngày 17 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1978

Địa chỉ: 212 Quốc lộ M, Khu phố M, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Nguyễn Tự D, sinh năm 1975

Địa chỉ: 212 Quốc lộ M, Khu phố M, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của Bản án sơ thẩm như sau:

Theo đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ kèm theo, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Tự D tự nguyện chung sống, kết hôn vào năm 1985, không tổ chức cưới nhưng có đăng ký kết hôn trễ hạn (giấy chứng nhận kết hôn số 35, quyển số 01/2015 ngày 26/03/2015 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh P cấp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tự lập, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do ông D nghi ngờ bà có người đàn ông khác, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, kể từ tháng 04/2016 hai bên ly thân, trong thời gian ly thân hai bên không tạo điều kiện để hòa giải đoàn tụ. Tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu ly hôn cùng ông D.

Về con chung: Bà và ông D có một người con chung là Nguyễn Tấn V (giới tính nam), sinh ngày 03/04/2013, hiện do bà đang nuôi dưỡng, sau khi ly hôn bà yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn là ông Nguyễn Tự D trình bày:

Việc chung sống và tạo lập cuộc sống chung vợ chồng đúng như bà H trình bày, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do bà H ngoại tình có tình cảm với người đàn ông khác, từ đó dẫn đến cuộc sống chung vợ chồng không còn hạnh phúc, đến tháng 04/2016 hai bên ly thân ông đã tạo điều kiện để hai bên đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả. Nay bà H yêu cầu ly hôn ông đồng ý do tình cảm không còn.

Về con chung: Có một con chung như bà H trình bày, khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bao gồm 02 máy may, 01 xe hiệu Attila, ông không nhớ biển số, do bà H đứng tên chủ quyền, 01 tủ lạnh, 01 tivi, 01 đầu đĩa, một số tư liệu sinh hoạt trong gia đình. Tài sản hiện do bà H quản lý, nếu ai nuôi con sẽ tiếp tục sử dụng tài sản trên.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Các bên đương sự giữ nguyên yêu cầu và ý kiến đã trình bày.

Đại diện Việm Kiểm sát nhân dân quận T tham gia phiên tòa phát biểu: Vụ án thụ lý, giải quyết đúng theo trình tự tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản án sơ thẩm số 926/2017/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 273 và Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 51; Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Về ly hôn: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Tự D.

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Tấn V, sinh ngày 03/04/2013 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông Nguyễn Tự D cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi mọi mặt của người con khi cần thiết có thể thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 200.000 đồng nhưng được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai thu số 0014422, ngày 02/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án theo luật định.

Ngày 05/09/2017 bị đơn ông Nguyễn Tự D kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về việc nuôi dưỡng con chung. Ông yêu cầu được nuôi con chung là trẻ Nguyễn Tấn V.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn ông Nguyễn Tự D là người kháng cáo trình bày: Ông yêu cầu nuôi con chung là trẻ Nguyễn Tấn V, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con, theo ông thì bà H là người phụ nữ không chung thủy, không đủ tư cách đạo đức để nuôi dạy con trưởng thành, nếu con ở gần bà H thì sẽ ảnh hưởng xấu, hình thành nhân cách xấu; Bên cạnh đó ông có việc làm là buôn bán giày dép ở các chợ và trường học ở quê ông tại tỉnh P, trong thời gian ông đi bán nếu con ông ở nhà thì ông nhờ em dâu ông trông nom giúp, ông đủ khả năng nuôi con, nên ông không đồng ý cho bà H nuôi con chung, các phần khác của bản án ông không kháng cáo.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Đối với ý kiến của ông D bà không đồng ý, bà không chấp nhận việc giao con chung cho ông D nuôi dạy, do ông D tính tình nóng nảy, cố chấp không nghe lời người khác khuyên can, công việc của ông không ổn định, hiện con chung đang đi học tại Thành phố Hồ Chí Minh, bên cạnh đó ông D tật nguyền bẩm sinh chăm sóc cho bản thân đã khó khăn nếu chăm sóc con chung thì càng khó khăn hơn, do trẻ Vàng còn nhỏ nên bà sẽ tiếp tục chăm sóc, khi trẻ lớn sẽ do trẻ quyết định sống cùng ai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân quận T đưa vụ án ra xét xử ngày 22/08/2017, ngày 05/09/2017 ông D kháng cáo. Căn cứ Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự kháng cáo trong hạn luật định.

Trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Trẻ Nguyễn Tấn V còn nhỏ, cần có sự chăm sóc của mẹ, ông D đưa ra lý do bà H không có đạo đức để không thể nuôi con là không có cơ sở nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông D, đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Tự D làm trong thời hạn luật định và hợp lệ nên đươc chấp nhận xem xét.

Về nội dung kháng cáo:

Ông D kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu được nuôi con chung là trẻ Nguyễn Tấn V, sinh ngày 03/04/2013 (giới tính nam) và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Về con chung: Ông D trình bày bà H vợ ông là người phụ nữ không có đạo đức, qua lại với nhiều người đàn ông khác, nên ông không chấp nhận giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi. Ông sợ con trưởng thành sẽ ảnh hưởng, đồng thời ông có công việc và thu nhập đủ để nuôi con.

Bà H cho rằng lời trình bày của ông D là không đúng, ông thường hay ghen tuông vô cớ, bản thân ông D đã tật nguyền bẩm sinh, thu nhập không ổn định nên việc giao con cho ông D nuôi bà không an tâm, bà yêu cầu tiếp tục nuôi con, sau này trẻ lớn sẽ quyết định sống cùng ai.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy lời trình bày của ông D là thiếu căn cứ, không đủ cơ sở để cho rằng bà H không đủ tư cách nuôi con chung, hiện trẻ Vàng hơn 04 tuổi, ông D hai chân tật nguyền bẩm sinh, nếu giao con chung cho ông D nuôi thì việc chăm sóc trẻ có phần hạn chế. Bà H có công việc, thu nhập ổn định, trẻ Vàng hiện đang sống cùng mẹ nên Tòa sơ thẩm giao con chung cho bà H nuôi là phù hợp và thỏa đáng, Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

Các phần khác của bản án sơ thẩm đương sự không kháng cáo, Viện Kiểm sát không kháng nghị nên hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 thì bà H phải nộp án phí sơ thẩm là 300.000 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên ông D phải nộp án phí; Căn cứ vào Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông D là người kháng cáo phải chịu toàn bộ án phí phúc thẩm.

Với những chứng cứ kể trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 37, Khoản 4 Điều 147, Điều 285 và Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2016.

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57 và Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015.

- Căn cứ vào Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Tự D.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm:

1/ Về hôn nhân: Ghi nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Tự D. Quan hệ hôn nhân giữa ông D và bà H chấm dứt kể từ khi bản án có hiệu lực thi hành. Giấy chứng nhận kết hôn số 35, quyển 01/2015, ngày 26/03/2015, do Uỷ ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh P, Việt Nam cấp không còn giá trị.

2/ Về nuôi dưỡng con chung: Giao con chung là trẻ Nguyễn Tấn V, sinh ngày 03/04/2013 (giới tính nam) cho bà H trực tiếp nuôi dạy; ông D không phải cấp dưỡng nuôi con do bà H không yêu cầu.

Ông D được quyền thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở ông thực hiện quyền này.

Khi có yêu cầu của cha, mẹ, cá nhân, tổ chức khác, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/Về tài sản chung: Hai bên đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về nợ chung: Đương sự khai không có nên Tòa án không xem xét.

5/ Về án phí:

5.1/ Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải nộp là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai số AA/2016/0014422, ngày 02/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí.

5.2/ Án phí phúc thẩm: Ông D phải nộp án phí nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông D đã tạm ứng là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2017/0037013 ngày 05/09/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông D đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận T;
- Chi cục THADS quận T;
- UBND xã H, huyện P, tỉnh P;
- Các đương sự;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Mỹ Hạnh